

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 02-10-2019

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát V

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Hà Đăng N**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu 4, xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2019 được bổ sung bằng bản tự khai ngày 04/6/2019 nguyên đơn là ông Hà Đăng N trình bày:**

- Về hôn nhân: Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị V vào ngày 12/7/1994, việc kết hôn là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung với gia đình, trong quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn vợ chồng càng thêm căng thẳng, ông đã tổ chức họp gia đình để vợ chồng rút kinh nghiệm và thay đổi cách sống, tuy nhiên bà V không chịu thay đổi. Năm 2016 bà V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Thạch Đồng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà V.

- Về con chung: Ông N xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuấn Anh, sinh năm 1994 và Hà Đình Nhật, sinh năm 1997. Hiện nay các con đã thành niên nên ông không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 14/6/2019 bị đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Hà Đăng N vào ngày 10/6/1994 (âm lịch) tại UBND xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với ông bà nội, nhưng ăn riêng trong thời gian là 23 năm. Năm 2016 con trai lớn của bà đi bộ đội về và đi nước ngoài thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau đó bà về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân trong 02 năm vì ông N có quan hệ bất chính với cô gái khác. Đến tháng 01/2019 (âm lịch), bà quay về nhà cưới vợ cho con và bà ở cùng con trai từ đó tại khu 4 xã X. Hiện nay bà V xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhưng vì bà muốn các con có bố, có mẹ, hiện nay con trai bà còn đi vắng nên bà không đồng ý ly hôn ông N, khi nào con bà về thì mới giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà V xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuấn Anh, sinh năm 1994 và Hà Đình Nhật, sinh năm 1997, hiện nay các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà V xác định nhà cửa của ông bà để lại, từ ngày chị ở đó thì có sửa chữa nhiều lần, xây nhà tắm, tường rào, làm công. Tuy nhiên nếu phải ly hôn thì bà để lại tất cả cho con.

*** *Phát biểu của Kiểm sát V Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

*** *Về thủ tục tố tụng:*** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

*** *Về nội dung vụ án:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông N: Xử cho ông N được ly hôn bà V; Về con chung: xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuấn A, sinh năm 1994 và Hà Đình Nh, sinh năm 1997, hiện đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Ông N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Ông N do điều kiện công việc, đi lại khó khăn vất vả nên ông đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà V về việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà V đến Tòa án để giải quyết vụ án, bà V đã có một lần đến làm bản tự khai trình bày quan điểm. Sau đó Tòa án tiếp tục thông báo triệu tập đối với bà V nhiều lần, nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông N kết hôn với bà V tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ vào ngày 12/7/1994, đây là một hôn nhân hợp pháp. Hiện nay ông N xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, ông đề nghị được ly hôn bà V. Bà V xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không còn nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, nhưng bà không đồng ý ly hôn ông N là vì muốn các con có bố, có mẹ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà V tham gia phiên hòa giải, nhưng bà V cũng đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bà V không coi trọng đến cuộc sống vợ chồng, không thực hiện các biện pháp để hàn gắn mối quan hệ giữa hai bên. Mặt khác tại biên bản xác minh ngày 03/9/2019 tại UBND xã X thể hiện vợ chồng ông N và bà V trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tháng 9/2016 bà V đã đi khỏi địa phương không chung sống cùng ông N, đến tháng 02/2019 bà V đã về nhà nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Việc bà V không đồng ý ly hôn không xuất phát từ việc muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông N, xử cho ông N được ly hôn bà V, tránh ràng buộc không cần thiết.

[2] Về con chung: Ông N và bà V có 02 con chung là Hà Tuấn A, sinh năm 1994 và Hà Đình Nh, sinh năm 1997. Hiện nay các con đã thành niên, ông N và bà V không đề nghị giải quyết về con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Ông N không đề nghị tòa án giải quyết, bà V xác định nếu ly hôn thì tài sản chung để lại cho các con, mà không có đề nghị cụ thể gì, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau ly hôn nếu có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát V tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hà Đăng N được ly hôn bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hà Tuấn A, sinh năm 1994 và Hà Đình Nh, sinh năm 1997, con chung đã thành niên nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau ly hôn nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0001547 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú